TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 10-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức

Ông Phạm Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dânhuyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Chu Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐST-DS ngày 24/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-DS ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn M, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn Làng Á, xã Yên Th, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị V, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- *Người làm chứng:* Ông Mè Văn Kh, địa chỉ: Thôn C, xã Yên Th, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày: Qua sự giới thiệu của ông Mè Văn Kh là anh trai đồng hao với ông Mười nên bà Lê Thị V có đến gặp ông tại nhà của ông Khôi và mong muốn vay số tiền 20.000.000 đồng. Bà Vân là đồng nghiệp của ông Khôi nên ông đồng ý cho vay số tiền trên và lập Giấy biên nhận ngày 27/12/2010 do bà Vân tự tay viết, có

chữ ký của hai bên và người chứng kiến là anh Mè Văn Kh, lãi suất là 800.000 đồng/tháng, thời hạn vay đến tháng 4/2011. Tuy nhiên, sau khi vay nợ, bàVân không trả lãi cho ông Mười. Đến tháng 04/2011, bà Vân cũng không trả tiền gốc cho ông nên ngày 27/4/2021, hai bên có lập lại giấy biên nhận có chữ ký của hai bên và người làm chứng ông Mè Văn Kh, theo đó bà Vân thừa nhận có được vay của ông Mười số tiền 20.000.000 đồng và cam kết trả lãi suất là 800.000 đồng/tháng nhưng sau khi viết giấy bà Vân vẫn không chịu trả tiền dù ông đã nhiều lần đến gặp nói chuyện và yêu cầu trả nợ gốc. Đến khoảng năm 2020, thì bà Vân có trả ông hai lần tiền lãi, một lần 500.000 đồng, một lần 600.000 đồng, còn nợ gốc chưa trả. Do bà Vân làm cán bộ văn hóa xã Yên Thịnh, nên ông nhiều lần đến trụ sở Ủy ban gặp trực tiếp bà Vân và lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã để nhờ tác động yêu cầu bà Vân trả tiền, nhưng bà Vân chỉ hứa hẹn sẽ trả nhưng sau đó không trả tiền cho ông. Ngoài ra, bà Vân có đưa cho vợ cũ của ông là bà Hoàng Thị Hồng số tiền 5.000.000 đồng tiền lãi tính từ lần viết giấy lần hai, tổng số tiền lãi bà Vân đã trả là 6.100.000 đồng. Số tiền 20.000.000 đồng là tiền riêng của ông, do chăn nuôi và bán đàn lợn tích góp được. Ông đã ly hôn với bà Hồng từ năm 2021 nên hiện không liên lạc cũng không biết bà Hồng ở đâu, làm gì. Nay ông yêu cầu bà Lê Thị V thanh toán số tiền gốc 20.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu về phần lãi suất của khoản vay 20.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2022, bà Lê Thị V trình bày: Từ ngày 27/12/2010 đến thời điểm này bà đã trả lãi cho ông Mười số tiền là 19.000.000 đồng, lãi suất của số tiền gốc 20.000.000 đồng là 4%/tháng, hàng tháng bà phải trả 800.000 đồng tiền lãi. Do ông Mười thường xuyên đi vắng nên bà đã trả tiền cho bà Hồng là vợ ông Mười, tổng số tiền bà đã đưa cho bà Hồng là khoảng 5.000.000 đồng. Bà không đồng ý trả nợ số tiền theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn M.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2022, người làm chứng ông Mè Văn Kh trình bày: Ông là anh em đồng hao với ông Lê Văn M, còn với bà Lê Thị V chỉ quen biết sơ qua và không có mâu thuẫn, xích mích hoặc tranh chấp gì với ông Mười, bà Vân. Trước đây ông từng cho bà Vân vay tiền, sau đó bà Vân đã trả đủ. Đến khi bà Vân đặt vấn đề vay tiền nữa thì ông có giới thiệu bà Vân vay tiền ông Lê Văn M. Việc vay mượn tiến hành tại nhà riêng của ông, bà Lê Thị V là người viết giấy biên nhận ngày 27/12/2010 với số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến tháng 04/2011, lãi suất là 800.000đồng/tháng. Tuy nhiên, đến thời hạn đã hẹn bà Vân không trả được. Đến ngày 27/04/2011, ông Lê Văn M và bà Lê Thị V có thỏa thuận thống nhất với nhau lập lại giấy vay tiền rồi nhờ ông ký tên làm chứng nhưng thỏa thuận trả nợ gốc và lãi như thế nào thì ông không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân

sự; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M. Buộc bà Lê Thị V phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng cho ông Lê Văn M. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M yêu cầu bà Vân phải trả số tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng. Bà Lê Thị V phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hoạt động vay tài sản nên xác định là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Lê Thị V có địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Lê Thị V và người làm chứng ông Mè Văn Kh. Tuy nhiên bị đơn và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai và đã có lời khai tại Tòa án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại Giấy biên nhận ngày 27/12/2010 thể hiện nội dung bà Lê Thị V có vay của ông Lê Văn M số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 800.000 đồng/tháng, thời hạn vay đến tháng 4/2011. Do đến thời hạn trả nợ bà Lê Thị V không thực hiện trả nợ nên giữa ông Lê Văn M và bà Lê Thị V lập lại giấy biên nhận đề ngày 27/4/2011 với nội dung bà Lê Thị V có vay 20.000.000 đồng của ông Lê Văn M, lãi suất là 800.000 đồng/tháng và không ấn định thời hạn trả nợ, có ông Mè Văn Kh ký chứng kiến. Nguyên đơn ông Lê Văn M cho rằng bà Lê Thị V đến nay vẫn chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ và thừa nhận năm 2020 bà Vân đã trả cho ông hai lần tiền lãi, một lần 500.000 đồng, một lần 600.000 đồng. Ngoài ra bà Hoàng Thị Hồng đã nhận 5.000.000 đồng tiền lãi do bà Vân trả. Tổng số tiền lãi đã trả kể từ ngày lập giấy biên nhận lần hai là 6.100.000 đồng; Bị đơn bà Lê Thị V cũng thừa nhận có nợ ông Lê Văn M số tiền 20.000.000 đồng nhưng đã trả cho ông Mười số tiền 19.000.000 tiền lãi, trong đó đã trả cho bà Hoàng Thị Hồng là vợ ông Mười với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày nêu trên bà Vân không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho việc đã trả nợ cho ông Mười; người làm chứng phía nguyên đơn là ông Mè Văn Kh chứng minh việc lập giấy biên nhận, lãi suất, thời hạn trả nợ như ông Mười trình bày là đúng. Tại bản tự khai của bà Lê Thị V (bút lục số 22) bà Vân thừa nhận mới chỉ trả tiền lãi, chưa trả tiền gốc cho ông Mười. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập và yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà Lê Thị V đều vắng mặt và không giao nộp tài liệu chứng cứ nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả nợ gốc.

[6] Về yêu cầu trả lãi: Do nguyên đơn ông Lê Văn M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về lãi suất nên cần đình chỉ yêu cầu đối với phần lãi này.

[7] Về án phí: Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQGH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tiền gốc và đình chỉ phần tiền lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 357, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với bà Lê Thị V.

Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M số tiền gốc còn nợ 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu trả hoặc chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền phải thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp không thỏa thuận được và có tranh chấp thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Văn M về việc không yêu cầu bà Lê Thị V phải trả tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng.

4. Về án phí: Trả lại nguyên đơn ông Lê Văn M số tiền 1.089.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0004411 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thảo Nguyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Đức **Phạm Văn Xuân** **Ngô Thảo Nguyên**